

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (điểm b khoản 1 Điều 23);

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Văn bản số /STC-QLCS ngày tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định chi tiết việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản được đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước (sau đây gọi là công trình, tài sản) để quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác hoặc hình thành tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành

phố Hà Nội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Quyết định này không áp dụng đối với:

a) Trưng mua, trưng dụng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

b) Mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ, việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

c) Đầu tư xây dựng công trình, tài sản theo hình thức đối tác công tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đối tác công tư và pháp luật có liên quan. Việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư cho Nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Mua nhà ở thương mại để làm nhà ở thuộc tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

đ) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước hoặc phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định pháp luật.

e) Tài sản được thuê, thuê mua, mua sắm phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trừ các công trình, tài sản thuộc danh mục quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố gồm:

a) Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Tổ chức, cá nhân có tài sản, công trình được thuê, thuê mua, mua.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thuê, thuê mua, mua để quản lý, sử dụng, vận hành và khai thác công trình, tài sản theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tại Quyết định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu là cơ quan, đơn vị đề xuất người có thẩm quyền quy định tại Quyết định này phê duyệt chủ trương thuê, thuê mua, mua theo nhu cầu thực tế hoặc theo văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Cơ quan quản lý cấp trên được hiểu là:

a) Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Thành phố (đơn vị dự toán cấp I của Thành phố) đối với cơ quan, đơn vị cấp Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân phường, xã đối với cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã.

3. Thuê mua công trình, tài sản là việc cơ quan, đơn vị thanh toán trước cho bên cho thuê mua một phần nhất định giá trị của công trình, tài sản theo thỏa thuận nhưng không quá 50% giá trị hợp đồng thuê mua, số tiền còn lại được tính thành tiền thuê tài sản để trả cho bên cho thuê mua trong một thời hạn nhất định do các bên thỏa thuận; sau khi hết thời gian thuê mua theo hợp đồng và đã trả hết số tiền còn lại, quyền sở hữu tài sản thuộc về cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc khi thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản

1. Thỏa thuận bình đẳng, tự nguyện với chủ sở hữu công trình, tài sản trong thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng trong quá trình lựa chọn và thực hiện hợp đồng thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản công; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước, công khai thông tin và các cam kết của hợp đồng thuê, thuê mua, mua công trình, trừ thông tin bí mật theo quy định của luật.

3. Không thực hiện bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã để thực hiện thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo quy định tại Quyết định này trừ trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Thành phố giao.

4. Bảo đảm việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương II

THUÊ, THUÊ MUA, MUA CÔNG TRÌNH, TÀI SẢN ĐỂ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HOẶC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH, PHÚC LỢI XÃ HỘI, MỤC ĐÍCH CÔNG CỘNG KHÁC

Điều 5. Danh mục công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua

Danh mục công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua theo quy định tại Quyết định này gồm:

1. Công trình kết cấu hạ tầng theo quy định pháp luật chuyên ngành về hạ tầng (bao gồm tài sản khác gắn với công trình).

2. Công trình y tế, công trình giáo dục, đào tạo (bao gồm tài sản khác gắn với công trình).

3. Các công trình, tài sản khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác theo quyết

định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở đề xuất của cơ quan chuyên môn cùng cấp.

Điều 6. Điều kiện công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua

1. Công trình, tài sản được đề xuất thuê, thuê mua, mua là công trình, tài sản đã hoàn thành đưa vào sử dụng, được tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, tạo lập từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hoặc từ nguồn không thuộc ngân sách nhà nước.

2. Công trình, tài sản được đề xuất thuê, thuê mua, mua phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có nhu cầu; đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội, mục đích công cộng khác của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương của cơ quan, đơn vị đó.

3. Việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản phải được rà soát để đảm bảo việc đầu tư xây dựng mới không bảo đảm tiến độ hoặc không hiệu quả tương đương về kinh tế - xã hội so với phương án thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản.

Việc thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản chỉ được xem xét sau khi đã rà soát, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở nhà, đất, công trình, tài sản công hiện có.

4. Công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua phải đáp ứng các yêu cầu về quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành, khai thác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Thành phố (nếu có).

5. Chủ sở hữu công trình, tài sản phải có các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại tài sản; không có tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng; không thuộc trường hợp bị kê biên, phong tỏa hoặc bị hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thuê mua hoặc mua công trình, tài sản để hình thành tài sản công thì công trình, tài sản phải bảo đảm điều kiện chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua phải bảo đảm khả năng kết nối, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất hiện có của cơ quan, đơn vị có nhu cầu và đáp ứng yêu cầu sử dụng ổn định, lâu dài theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thuê, thuê mua, mua

1. Trên cơ sở nhu cầu thực tế và kết quả rà soát các công trình, tài sản cụ thể đáp ứng nhu cầu, cơ quan, đơn vị có nhu cầu lập hồ sơ đề nghị chấp thuận (hoặc điều chỉnh) chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị có nhu cầu: 01 bản chính. Trong đó văn bản cần thể hiện một số nội dung chủ yếu sau:

a1) Cơ quan, đơn vị có nhu cầu (được xác định là cơ quan, đơn vị thực hiện thuê, thuê mua, mua và quản lý, sử dụng sau khi thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản).

a2) Căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn của việc đề xuất thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản.

a3) Hiện trạng, tình hình quản lý, sử dụng, khai thác công trình, tài sản công hiện có của cơ quan, đơn vị có nhu cầu liên quan đến nhiệm vụ được giao.

a4) Sự cần thiết phải thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản.

a5) Thông tin cơ bản về nhu cầu thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản. Trường hợp có danh mục chi tiết các công trình, tài sản đáp ứng được nhu cầu thuê, thuê mua, mua thì cung cấp thông tin chi tiết về các công trình, tài sản đó (tên công trình, tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số của tài sản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của công trình, tài sản;...).

a6) Mục tiêu, phạm vi sử dụng công trình, tài sản.

a7) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành, khai thác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

a8) Thời hạn thuê, thuê mua (đảm bảo không vượt quá thời gian sử dụng còn lại của công trình, tài sản hoặc 50% thời gian sử dụng để tính hao mòn theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, tính hao mòn, khấu hao đối với công trình, tài sản tương ứng trong trường hợp không xác định được thời gian sử dụng còn lại của công trình, tài sản).

a9) Dự kiến tổng dự toán kinh phí thuê, thuê mua, mua (giá thuê, thuê mua, mua và các chi phí liên quan); nguồn kinh phí thực hiện thuê, thuê mua, mua.

a10) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

a11) Đánh giá hiệu quả của phương án thuê, thuê mua, mua so với các phương án khác (đầu tư xây dựng mới; sử dụng, tiếp nhận tài sản công hiện có). Đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả quản lý nhà nước và tác động của phương án đề xuất.

a12) Hình thức lựa chọn nhà thầu dự kiến và cơ sở đề xuất.

a13) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính.

c) Ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp về quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành, khai thác theo quy định của pháp

luật chuyên ngành (nếu có): 01 bản sao.

d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản (nếu có): 01 bản sao.

3. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với công trình, tài sản do cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuộc cấp Thành phố đề xuất trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với công trình, tài sản do cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuộc cấp xã đề xuất trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Thành phố giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định đối với công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

4. Nội dung quyết định chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản bao gồm:

a) Tên cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua (cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng sau khi thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản).

b) Thông tin cơ bản về công trình, tài sản cần thuê, thuê mua, mua; Nguồn kinh phí thuê, thuê mua, mua.

c) Mục tiêu, phạm vi sử dụng công trình, tài sản.

d) Thời hạn thuê, thuê mua (chỉ áp dụng trong trường hợp thuê, thuê mua).

đ) Hình thức lựa chọn nhà thầu.

e) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan.

5. Trường hợp điều chỉnh quyết định chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản thì hồ sơ bao gồm văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

6. Trên cơ sở quyết định chủ trương được phê duyệt:

a) Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản thực hiện lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí mua công trình, tài sản theo quy định của Chính phủ về lập, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị.

b) Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản thực hiện lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí thuê, thuê mua công trình, tài sản

theo quy định của Chính phủ về lập, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ.

7. Căn cứ quyết định chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản đã được phê duyệt, phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua ban hành quyết định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Quyết định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Thông tin công trình, tài sản cần thuê, thuê mua, mua;
- b) Mục tiêu, phạm vi sử dụng công trình, tài sản.
- c) Giá thuê, giá thuê mua, giá mua.

Giá thuê, giá thuê mua, giá mua công trình, tài sản được xác định trên cơ sở giá thuê, giá thuê mua, giá mua trên thị trường của công trình, tài sản cùng loại hoặc công trình, tài sản tương đương (công trình, tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định).

Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá thuê, giá thuê mua, giá mua hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền; đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết). Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

- d) Nguồn kinh phí thực hiện.
- đ) Thời hạn thuê, thuê mua (chỉ áp dụng trong trường hợp thuê, thuê mua).
- e) Hình thức lựa chọn nhà thầu.
- g) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

8. Cơ quan, đơn vị thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản tổ chức triển khai thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về đấu thầu. Việc thương thảo và ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân có công trình, tài sản được thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

Giá ký kết hợp đồng không được vượt quá giá thuê, giá thuê mua, giá mua

đã được phê duyệt tại quyết định thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản. Trường hợp trong quá trình thương thảo các bên không thống nhất được về giá thì cơ quan, đơn vị báo cáo người có thẩm quyền tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định điều chỉnh hoặc dừng thực hiện chủ trương thuê, thuê mua, mua theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản trong thời gian thuê, thuê mua và sau khi thuê, thuê mua, mua

1. Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản trong và sau thời gian thuê, thuê mua:

a) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sử dụng công trình, tài sản đúng mục đích, công năng, tiết kiệm và có hiệu quả, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, tài sản trong thời gian thuê, thuê mua.

b) Không áp dụng các phương thức cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cho thuê quyền khai thác hoặc các phương thức khai thác khác không do cơ quan, đơn vị tự thực hiện đối với công trình, tài sản trong thời gian được thuê, thuê mua.

c) Việc xử lý công trình, tài sản khi kết thúc thời gian thuê, thuê mua được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật liên quan. Trường hợp sau khi kết thúc thời gian thuê mua, công trình, tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước thì cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản sau khi mua:

Việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản sau khi mua được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

c) Tổng hợp tình hình thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo quy định tại Quyết định này; định kỳ (tổng hợp chung vào báo cáo tình hình quản lý, sử

dụng tài sản công hàng năm) hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Thành phố:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Ngoài ra, với vai trò là cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Thành phố phải có ý kiến cụ thể về sự phù hợp của đề xuất chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuộc phạm vi quản lý trước khi trình người có thẩm quyền quy định tại Quyết định này phê duyệt.

b) Tham gia ý kiến chuyên ngành (nếu có) đối với các đề xuất thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có nhu cầu cấp Thành phố. Thực hiện công khai, chia sẻ thông tin, dữ liệu chuyên ngành liên quan đến quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các dữ liệu khác có liên quan phục vụ việc đề xuất, rà soát, quyết định và quản lý, sử dụng công trình, tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (tổng hợp chung vào báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định phê duyệt chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản thuộc thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (tổng hợp chung vào báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản:

a) Chịu trách nhiệm về sự cần thiết, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu, số liệu và đề xuất chủ trương thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản.

b) Chủ trì rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở nhà, đất, công trình, tài sản công hiện có; bảo đảm việc đề xuất thuê, thuê mua, mua công trình, tài sản đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 Quyết định này và không làm phát sinh tình trạng dôi dư, lãng phí tài sản công.

c) Tổ chức xác định giá thuê, giá thuê mua, giá mua công trình, tài sản theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, khách quan của các thông tin, tài liệu phục vụ việc xác định giá.

d) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện tiếp nhận, bàn giao, hạch toán, theo dõi, quản lý hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật và các tài liệu có liên quan đến công trình, tài sản được thuê, thuê mua, mua theo quy định của pháp luật.

e) Quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản sau khi được thuê, thuê mua, mua bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

g) Thực hiện công khai, báo cáo, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu theo quy định phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan, người có thẩm quyền. Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý cấp trên.

h) Kịp thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thuê, thuê mua, mua, quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình, tài sản.

i) Thực hiện chế độ hạch toán, báo cáo, công khai và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân có tài sản, công trình được thuê, thuê mua, mua:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến công trình, tài sản cung cấp cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu để lập hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương thuê, thuê mua, mua.

b) Bảo đảm có đầy đủ quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng hợp pháp đối với công trình, tài sản theo quy định của pháp luật; công trình, tài sản không có tranh chấp, không thuộc trường hợp bị kê biên, phong tỏa hoặc bị hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với cơ quan, đơn vị có nhu cầu trong quá trình khảo sát, xác định hiện trạng, xác định giá, lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng.

d) Bàn giao công trình, tài sản đúng hiện trạng, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ pháp lý và các nội dung đã cam kết trong hợp đồng; thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì (nếu có) theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

đ) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật; xuất hóa đơn, chứng từ và cung cấp hồ sơ có liên quan theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Người đứng đầu các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CM;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và CDS;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đại Thắng